

Số: 24/1QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 25 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục chuẩn hóa các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố trong lĩnh vực văn hóa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 05/TTr-SVHTTDL ngày 06/02/2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục chuẩn hóa các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố trong lĩnh vực văn hóa theo Quyết định số 4874/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2019 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*Phụ lục I kèm theo*).

**Điều 2.** Bãi bỏ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố (*Phụ lục II kèm theo*).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

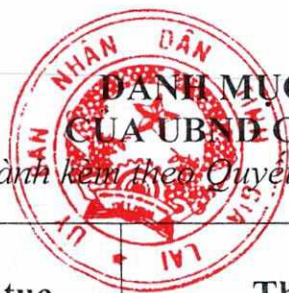
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- Lưu: VT, NC.



**Võ Ngọc Thành**




## PHỤ LỤC I

### DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 241/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	<b>Lĩnh vực Văn hóa</b>				
01	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: - Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy; - Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000 đồng/giấy. Tại các khu vực khác: - Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 3.000.000 đồng/giấy; - Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/giấy.	Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.



				Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:	
02	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng. Tại các khu vực khác: Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng.	 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
03	Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
04	Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã,	Không	Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



			thành phố.		
05	Thủ tục công nhận lại "Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
06	Thủ tục công nhận lần đầu "Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
07	Thủ tục công nhận lại "Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị"	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
08	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tặng danh hiệu và Giấy công nhận Khu dân cư văn hóa.	Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ.
09	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức họp Hội đồng thi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ.



		đua - khen thưởng theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng. Trong thời hạn 03 ngày			
		làm việc, kể từ ngày có kết quả Hội đồng thi đua - khen thưởng, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa.			
10	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm thẩm định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.
11	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày UBND cấp huyện nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.
12	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000; Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 6/8/2002 của Chính phủ; Thông tư số 56/2003/TT-BVHTT ngày 16/9/2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);





					Nghị định số 02/2009/NĐ-CP ngày 6/01/2009 của Chính phủ; Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ.
13	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Thời gian thực hiện là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 ngày 21/11/2007; Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
14	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Thời gian thực hiện là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
15	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp	Thời gian thực hiện là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ



	huyện)				Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
16	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Thời gian thực hiện là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 ngày 21/11/2007; Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
17	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Thời gian thực hiện là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không	Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
18	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Thời gian thực hiện là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không	Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ; Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Tên thủ tục hành chính	Số, ký hiệu Quyết định công bố TTHC
01	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
02	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
03	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân	Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
04	Công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
05	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
06	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hoá hàng năm	Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
07	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hoá	Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
08	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội	Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.
09	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	Quyết định số 1100/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.